

Bản án số: **103/2023/HS-ST**
Ngày: 14-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Nguyên

Ông Nguyễn Quang Tố

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2023/TLST-HS ngày 12/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Năm), giới tính: Nam; sinh ngày: 10/6/1992 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: D H, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 09/12; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; gia đình có 06 người, bị cáo là con thứ năm, có vợ Nguyễn Thị Diệu N, sinh năm 1991 (không đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sinh sống với gia đình tại tỉnh An Giang. Năm 1998, cùng gia đình chuyển vào sinh sống tại tỉnh Thừa Thiên Huế, học đến lớp 09/12 thì nghỉ học. Sau đó, ở nhà phụ giúp gia đình và lao động tự do cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023, được thay thế biện pháp tạm giam bằng B lĩnh từ ngày 28/9/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Cao M, giới tính: Nam; sinh ngày: 17/8/1994 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: B P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Trọng T1, sinh năm 1958 và bà Cao Thị N1, sinh năm 1960;

gia đình có 03 người, bị cáo là con thứ ba, có vợ Châu Thị Kim N2, sinh năm 1997, có 03 con, lớn nhất 05 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sinh sống với gia đình tại tỉnh Thừa Thiên Huế, học đến lớp 12/12. Sau đó, học tại trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 02/3/2011, Công an thành phố H xử phạt hành chính số tiền 370.000 đồng về hành vi đánh nhau (QĐ số 32232, đã thi hành). Ngày 07/5/2014, Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 126/HS-ST, đã thi hành). Ngày 08/10/2015, Công an thành phố H xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép ma túy (QĐ 28217, đã thi hành). Ngày 05/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 161/HS-ST, đã thi hành). Ngày 09/02/2017, ra trại và ở nhà bán cà phê cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn H (tên gọi khác: R), giới tính: Nam; sinh ngày: 30/7/1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Lô A T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn P, sinh năm 1958 và bà Trương Thị K, sinh năm 1964; gia đình có 03 người, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sinh sống với gia đình tại tỉnh Thừa Thiên Huế, học đến lớp 12/12, thi nghỉ học. Sau đó, học nghề lái xe và hành nghề cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đình Phước Đ, giới tính: Nam; sinh ngày: 16/9/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: Phụ bếp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Đình K1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 1971; gia đình có 04 người, bị cáo là con thứ nhất, có vợ Châu Phước Ngọc H2, sinh năm 1997, có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sinh sống với gia đình tại tỉnh Thừa Thiên Huế, học đến lớp 09/12, thi nghỉ học. Sau đó, ở nhà phụ giúp gia đình và làm phụ bếp cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1987; địa chỉ: TDP L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ A, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1985. Địa chỉ: ½ K2 74 Bà T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ông Phan Văn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Phan Duy P1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2023, anh Phan Duy P1 (tên gọi khác: K3, sinh năm 1980, trú tại: Tổ dân phố G, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) nói với Nguyễn Văn S việc anh Hồ Văn V (sinh năm 1987, trú tại: Tổ dân phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là vào khoảng tháng 10 năm 2022, có mượn số tiền 83.000.000 đồng mua xe ô tô để kinh doanh làm ăn, sau đó sẽ thế chấp xe để trả lại tiền, nhưng anh V không giữ đúng lời hứa. Anh P1 nhiều lần đòi nợ, nhưng anh V không trả, mà còn đe dọa thách thức đòi đánh. Nghe vậy, S nói sẽ gặp V lấy tiền giúp, nhưng anh P1 không đồng ý vì V đã hứa ra tết trả tiền, nếu không được thì nhờ S giúp. Sau đó, anh P1 gửi hình ảnh của V qua điện thoại di động của S để xem. Đến chiều ngày 12/02/2023, trong lúc ngồi uống cà phê tại quán Đ1 (địa chỉ: 100 P, phường V, thành phố H) S nói với Lê Cao M và Nguyễn H đòi nợ giúp, S đưa hình ảnh của anh V cho M và H xem để tìm thông tin. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, M gọi điện thoại nói với S là “Đã tìm được Facebook và số điện thoại di động của V” và “Em sẽ giả đặt xe của V ở C để V đến vào sáng mai”, thì S đồng ý. Sau đó, M gọi điện thoại cho anh V giả vờ đặt xe đi H và hẹn 09 giờ ngày 13/02/2023 đến đón tại kiệt A C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì V đồng ý, nên M gọi điện thoại thông báo lại cho S và H biết.

Đến khoảng 09 giờ ngày 13/02/2023, S, M và H đến địa điểm hẹn thì thấy anh V đang ngồi trong xe ô tô đợi, nên S và M đứng cách xe ô tô của V khoảng 100 mét, còn H đi bộ đến nói Vũ mở cốp xe để bỏ đồ đạc, thì anh V xuống xe. Thấy vậy, S và M điều khiển xe mô tô đến, S nói “Phải V không, mi có nợ tiền ông anh tao, mà mi còn đòi đập ông anh tao à”, thì anh V nói “Em có mô”. Nghe vậy, S chụp cổ áo anh V để đe dọa, đồng thời gọi điện thoại bằng hình ảnh cho P1 để hỏi xem người này có phải V không và xác nhận số tiền nợ, thì P1 nói đúng là V; P1 nói S là yêu cầu V viết giấy xác nhận nợ, đừng có đánh đập hay đe dọa gì V. Lúc này, M lấy điện thoại di động quay lại hình ảnh và tiếp tục đe dọa bắt anh V phải trả tiền, nên anh V nói để gọi điện thoại sẽ có người gửi số tiền 5.000.000 đồng, nên M đọc số tài khoản để người thân của anh V chuyển tiền.

Trong lúc chờ người thân của anh V chuyển tiền, S nghi ngờ anh V đang sử dụng điện thoại di động gửi vị trí đang đứng cho người khác, nên S dùng tay phải đánh vào mặt anh V 01 cái và nói “Mi dùng định vị để kêu người đến chơi tau phải

không”, H cũng dùng tay đánh 02 cái vào mặt anh V và nói “Mi có đi không tao đập chết” và yêu cầu anh V đi đến địa điểm khác, còn M gọi điện thoại di động nói cho Nguyễn Đình Phước Đ là “Có người nợ tiền nhưng còn thách thức” và nhờ Đ đến hỗ trợ. Đ đến nói với M “Xử lý nhanh mà về”, rồi Đ nói với anh V “Mi coi viết giấy tờ nợ nhanh mà về”, nhóm của S bắt anh V đi đến địa điểm khác. Lo sợ bị đánh, nên anh V điều khiển xe mô tô Sirius biển kiểm soát 75L1-6281 chở H đi ở giữa (theo yêu cầu của nhóm S và nhằm tránh anh V bỏ chạy trên đường đi), S điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 75F2-029.09 chở M đi trước để chỉ đường, Đ điều khiển xe mô tô Atila biển kiểm soát 75K6-0016 đi sau cùng. Nhóm của S đi khoảng 02 km đến nhà kho nằm bên phía tay phải ở đường T thuộc thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì dừng lại. Tại đây, nhóm của S tiếp tục đe dọa đòi nợ, nên anh V đưa cho nhóm của S số tiền 3.500.000 đồng, M nói H đi mua quyển sổ và viết, rồi tiếp tục đe dọa yêu cầu anh V phải viết giấy nợ số tiền 80.000.000 đồng, hàng tháng phải trả số tiền 5.000.000 đồng và phải đưa thêm căn cước công dân. Sau đó, anh V gọi điện thoại cho anh Phan Văn L (sinh năm 1987, trú tại: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, là em rể của anh V) nói mượn số tiền 5.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của M số 9452529999 ở tại ngân hàng Q chi nhánh H3, nên anh L chuyển số tiền 5.000.000 đồng, thì cả nhóm chở V về lại chỗ đỗ xe ô tô. Sau đó, Đ đi về trước, còn S, M và H về lại quán cà phê Đoàn V1 thì M đưa số tiền 3.500.000 đồng và lấy trong ví ra đưa số tiền 5.000.000 đồng (anh L chuyển vào tài khoản của M) đưa cho S cất giữ số tiền 8.500.000 đồng. Đến ngày 14/02/2023, cơ quan Công an triệu tập S, M, H và Đ đến làm việc đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

* Cơ quan điều tra thu giữ tang vật, gồm:

- 01 tờ giấy ghi giấy mượn tiền do Hồ Văn V viết vào ngày 13/02/2023;
- 01 Căn cước công dân số 046087019072 mang tên Hồ Văn V; số tiền 8.500.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển số 75F2-029.09 (do S giao nộp);
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 màu đen và 01 tờ sao kê tài khoản ngân hàng Q chi nhánh H3 ngày 13/02/2023 (do M giao nộp);
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77S, màu xanh và 01 xe mô tô Atila biển số 75K6-0016 (do Đ giao nộp).
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 75L1-6281 (chị Châu Thị Kim N2 giao nộp).

Cơ quan điều tra đã tiến hành trích xuất dữ liệu điện tử từ các camera an ninh và điện thoại di động của Lê Cao M ghi nhận sự việc xảy ra tại Kiệt A C, phường T, thành phố H và Tỉnh lộ 10 thuộc thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để tiến hành trưng cầu giám định.

Ngày 14/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định xử lý vật chứng số 31, 32/QĐ-CSHS trả lại:

- Anh Hồ Văn V: 01 Căn cước công dân số 046087019072 mang tên Hồ Văn V và số tiền 8.500.000 đồng;

- Anh Hoàng Văn T2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển số 75F2-029.09 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 75L1-6281;

- Chị Nguyễn Thị Kim T3: 01 xe mô tô Atila biển số 75K6-0016.

Ngày 13/02/2023, cơ quan Công an đã tiến hành xem xét dấu vết thân thể của anh Hồ Văn V, kết quả: Không phát hiện có dấu vết thương tích gì, kèm chụp ảnh ghi nhận.

* Về dân sự: Anh Hồ Văn V đã nhận lại số tiền 8.500.000 đồng, nên không có yêu cầu gì thêm về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSTTH-P2 ngày 11 tháng 10 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Cao M, Nguyễn H và Nguyễn Đình Phước Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo: Nguyễn Văn S 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù đối với tội Cưỡng đoạt tài sản và 08 tháng tù đến 10 tháng tù đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật; bị cáo Lê Cao M 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm đối với tội Cưỡng đoạt tài sản và 09 tháng tù đến 01 năm tù đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật; bị cáo Nguyễn H 01 năm 02 tháng tù đến 01 năm 05 tháng tù đối với tội Cưỡng đoạt tài sản và 07 tháng tù đến 09 tháng tù đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật; bị cáo Nguyễn Đình P2 Đ 01 năm tù đến 01 năm 02 tháng tù đối với tội Cưỡng đoạt tài sản và 06 tháng tù đến 08 tháng tù đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự, phía bị hại Hồ Văn V đã nhận lại số tiền 8.500.000 đồng nên không yêu cầu gì về dân sự. Về vật chứng của vụ án, đề nghị HĐXX xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, quá trình điều tra, họ đã có bản tự khai và biên bản lấy lời khai nên việc xét xử vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của các bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Cao M, Nguyễn H và Nguyễn Đình Phước Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại địa chỉ A C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn Văn S, Lê Cao M, Nguyễn H và Nguyễn Đình Phước Đ đã có hành vi đe dọa nhằm đòi tiền của anh Hồ Văn V. Sau đó, nghi ngờ anh V gửi vị trí định vị cho người khác, nên S, M, H và Đ đánh, bắt anh V đi đến địa điểm nhà kho nằm bên phía tay phải ở đường T thuộc thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngoài ý muốn của anh V. Tại đây, S, M, H và Đ tiếp tục khống chế, đe dọa anh V để chiếm đoạt số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng). Nên Nguyễn Văn S, Lê Cao M, Nguyễn H và Nguyễn Đình Phước Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nêu trên của mình.

Hành vi đe dọa dùng vũ lực nhằm đòi tiền nợ và đe dọa, khống chế bị hại để chiếm đoạt số tiền 8.500.000 đồng của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền quản lý tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đánh, bắt anh Hồ Văn V đến nhà kho ở đường T thuộc thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do cá nhân của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tinh thần của người bị hại, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Các hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 56/CT-VKSTTH-P2 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác và hành vi bắt, giữ người trái pháp luật là vi phạm pháp luật nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền quản lý tài sản và quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do cá nhân của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm

tội mà mình đã gây ra.

[5] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

[5.1] Xét về vai trò của các bị cáo:

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án đồng phạm nhưng giản đơn; bị cáo Nguyễn Văn S là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng, chủ mưu. Các bị cáo Lê Cao M và Nguyễn H là người giúp sức tích cực nhất cho bị cáo Nguyễn Văn S. Tuy bị cáo M có nhân thân xấu nhưng bị cáo H là người đánh bị hại nên Hội đồng xét xử xét vai trò của hai bị cáo là như nhau. Bị cáo Nguyễn Đình Phước Đ có vai trò thứ ba trong vụ án.

[5.2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn S gia đình có công với cách mạng. Do đó, cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, phía bị hại Hồ Văn V đã nhận lại số tiền 8.500.000 đồng nên không có yêu cầu gì thêm về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Tuyên xử:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 màu đen là phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77S, màu xanh là phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng là phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án tài liệu 01 tờ giấy ghi giấy mượn tiền do Hồ Văn V viết vào ngày 13/02/2023; 01 tờ sao kê tài khoản ngân hàng Q chi nhánh H3 ngày 13/02/2023.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Cao M, Nguyễn H và Nguyễn Đình Phước Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự 2015.

[2] Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 157, Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 23 (hai mươi ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 20/6/2023 đến ngày 28/9/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 157, Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Lê Cao M 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 07 (bảy) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 157, Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn H 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 07 (bảy) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 157, Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P2 Đạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2023.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tuyên xử:

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại Samsung Note 9 màu đen, số Imei 1:359447099505513, số Imei 2:359448099505511;

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại Oppo màu xanh, số Imei 1:866996064079314, Imei 2:866996064079306;

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại Iphone XS Max được niêm phong trong 01 phong thư màu trắng có chữ ký của ĐTV Nguyễn Cao T4 và Nguyễn Văn S;

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án tài liệu 01 tờ giấy ghi giấy mượn tiền do Hồ Văn V viết vào ngày 13/02/2023; 01 tờ sao kê tài khoản ngân hàng Q chi nhánh H3 ngày 13/02/2023.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T và Cục THADS tỉnh T)

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Cao M, Nguyễn H và Nguyễn Đình Phước Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CQCSĐT CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- Phòng CSTHAHS&HTTP CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; HCTP; KTNV; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến